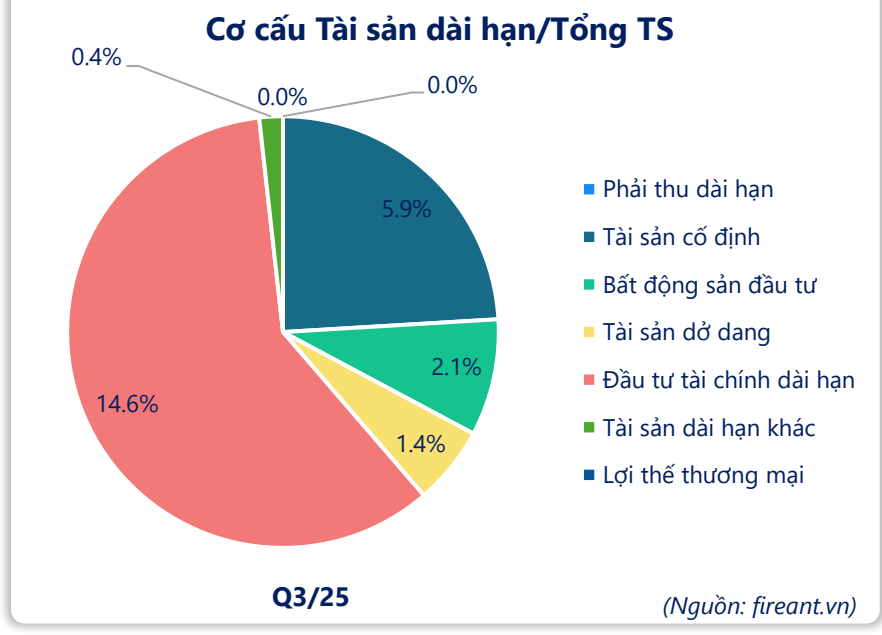
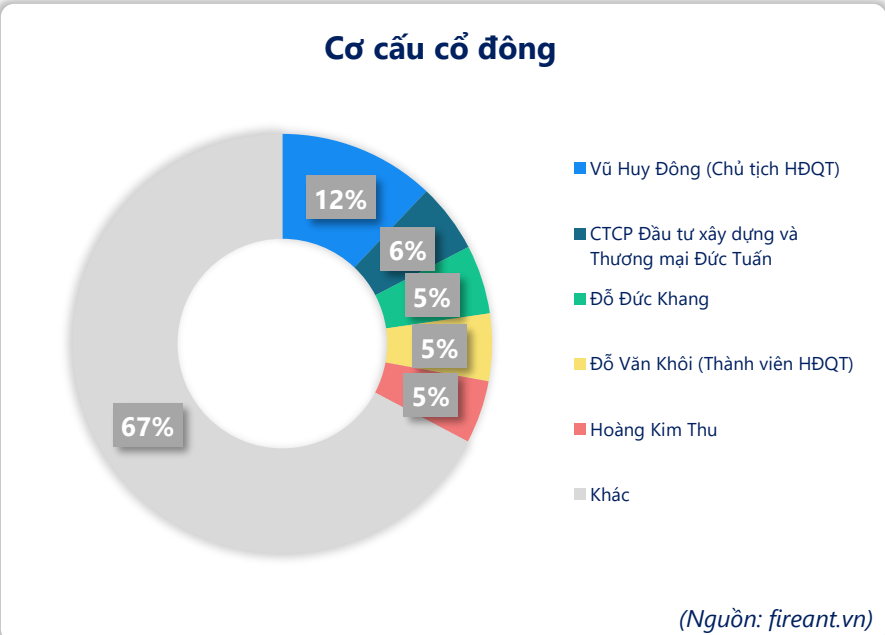
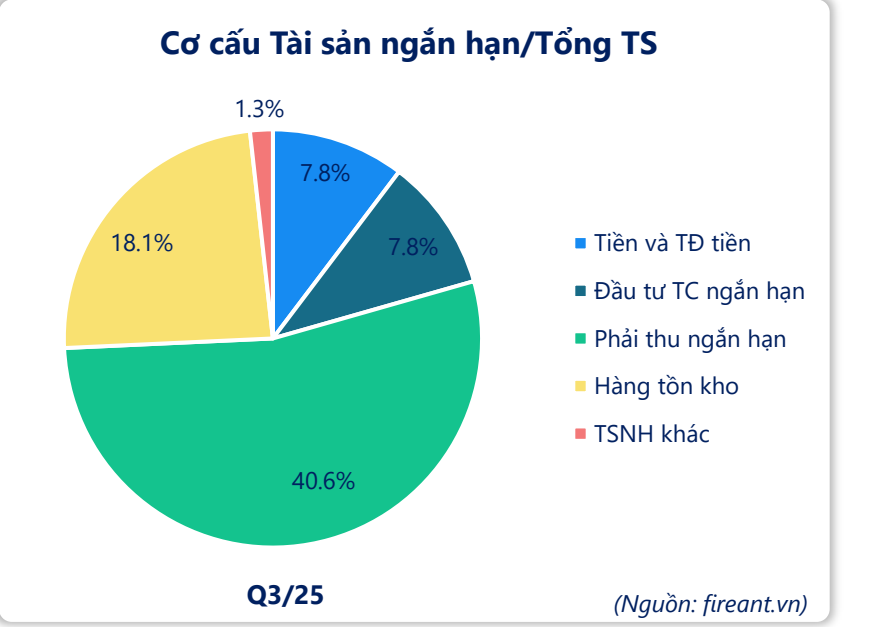
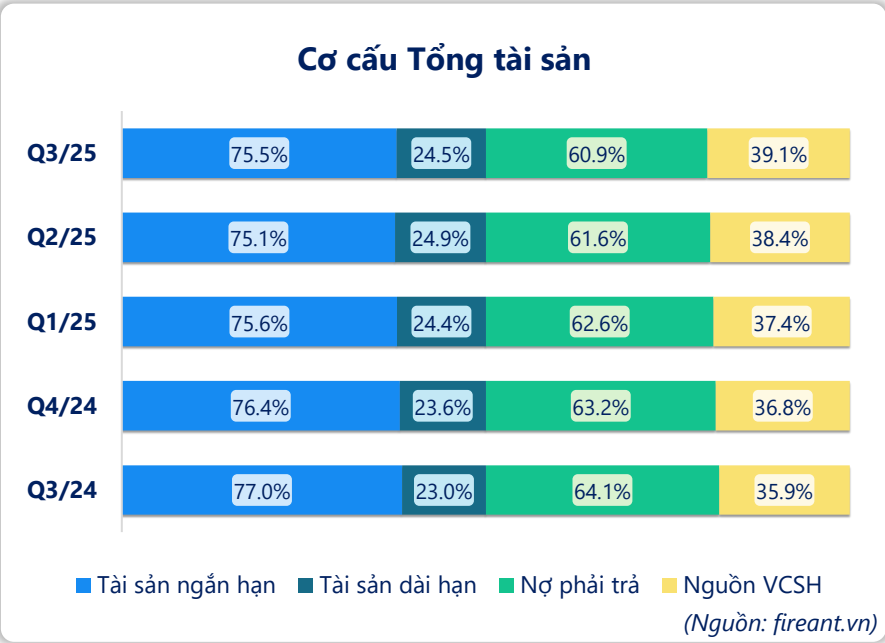
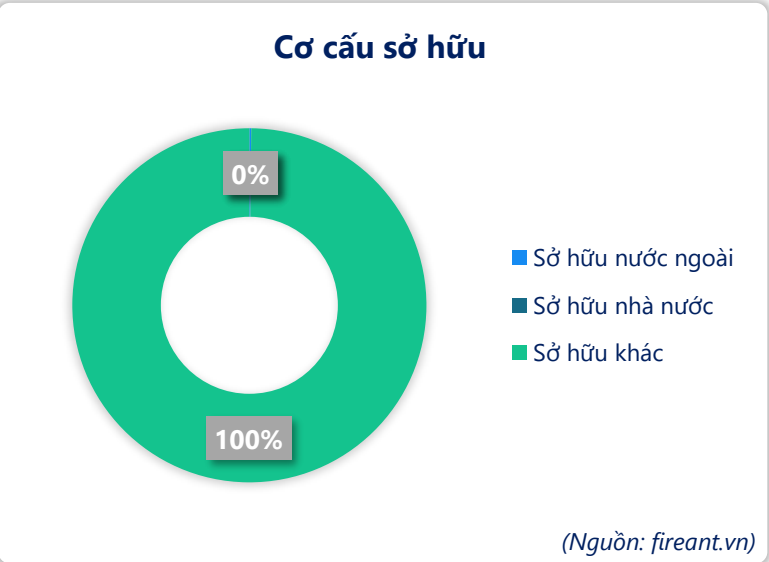
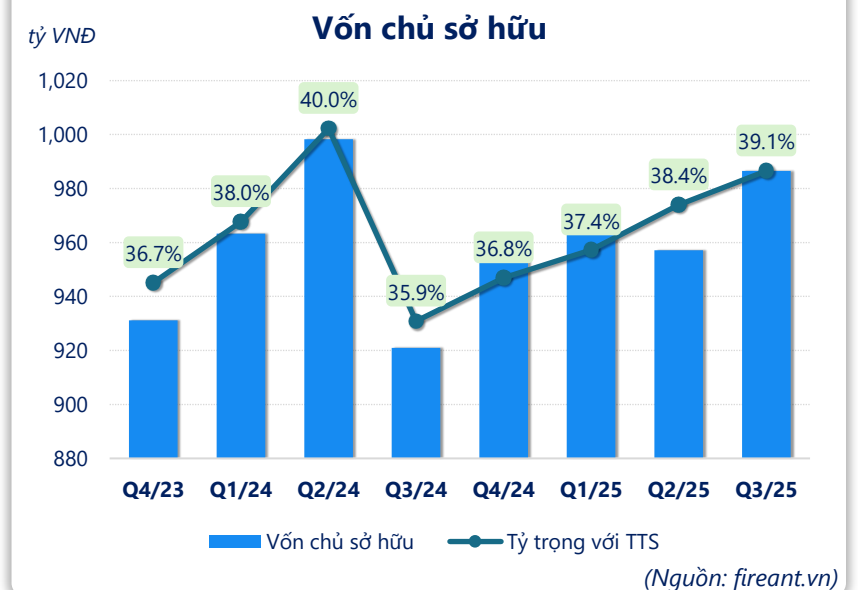
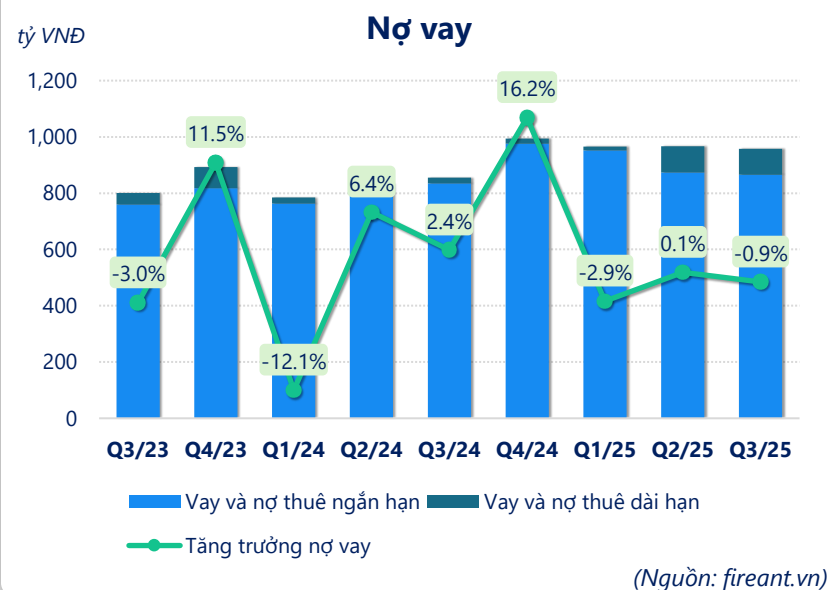
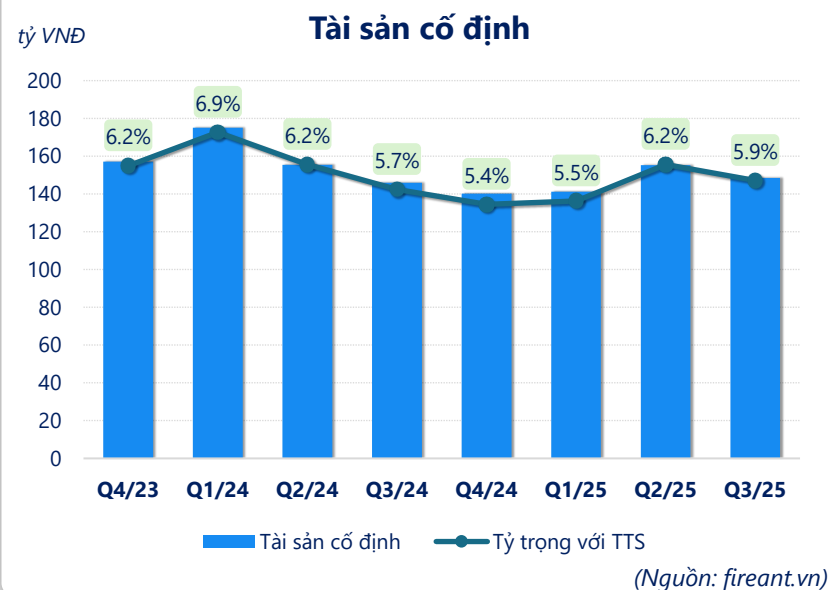
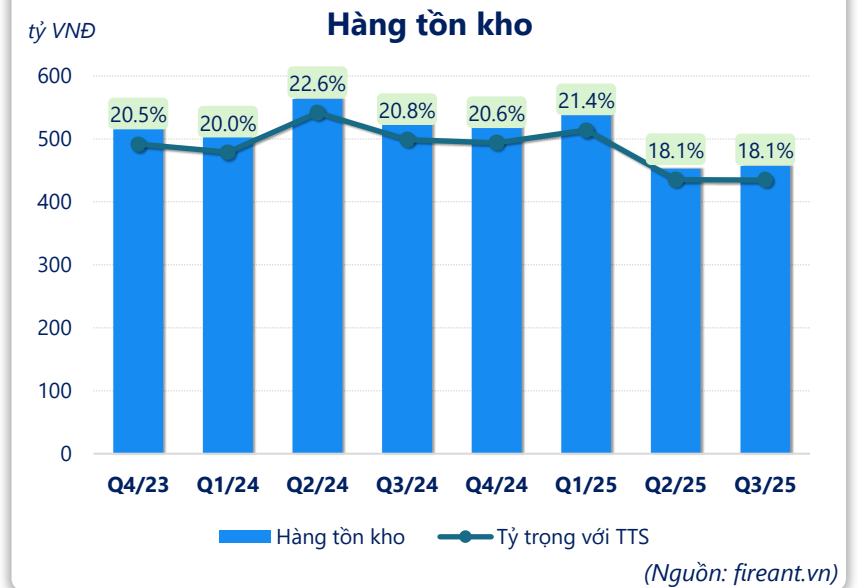
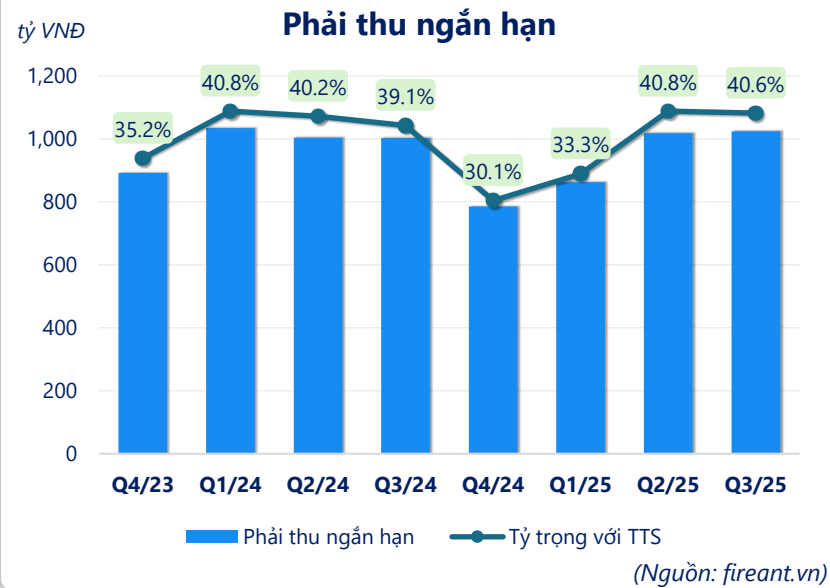
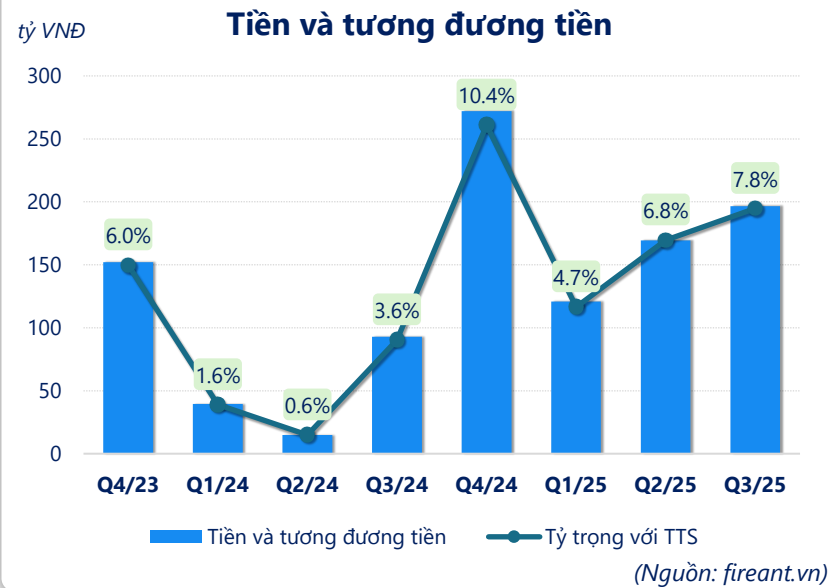
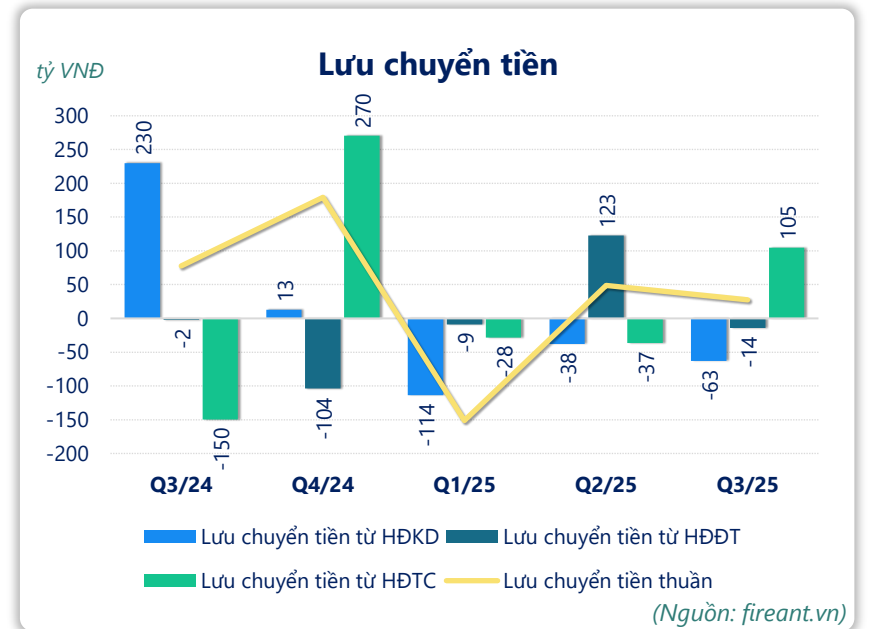
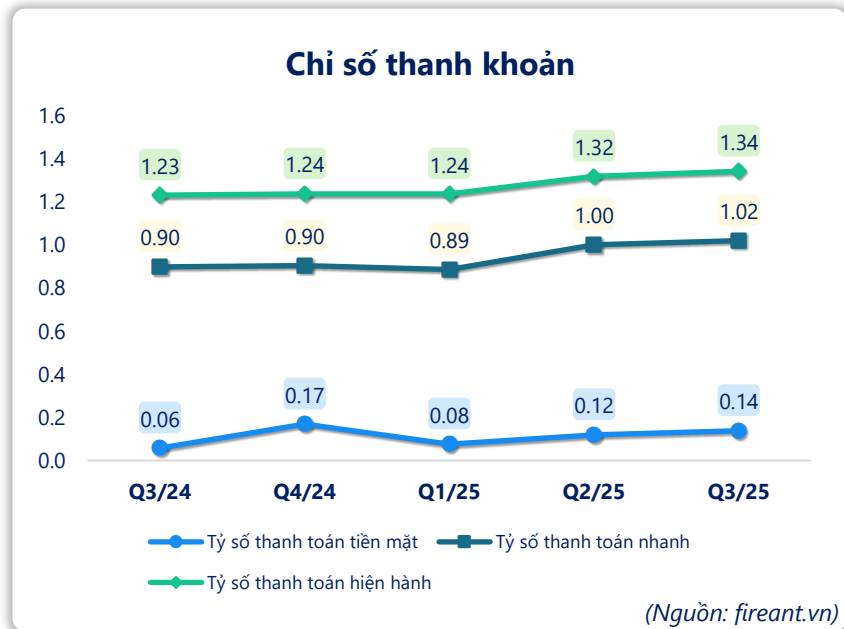
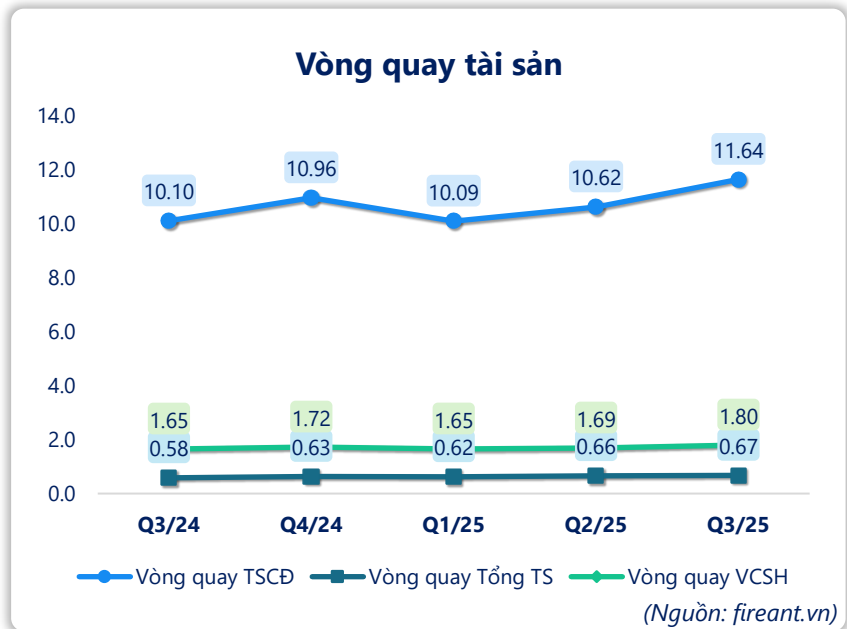
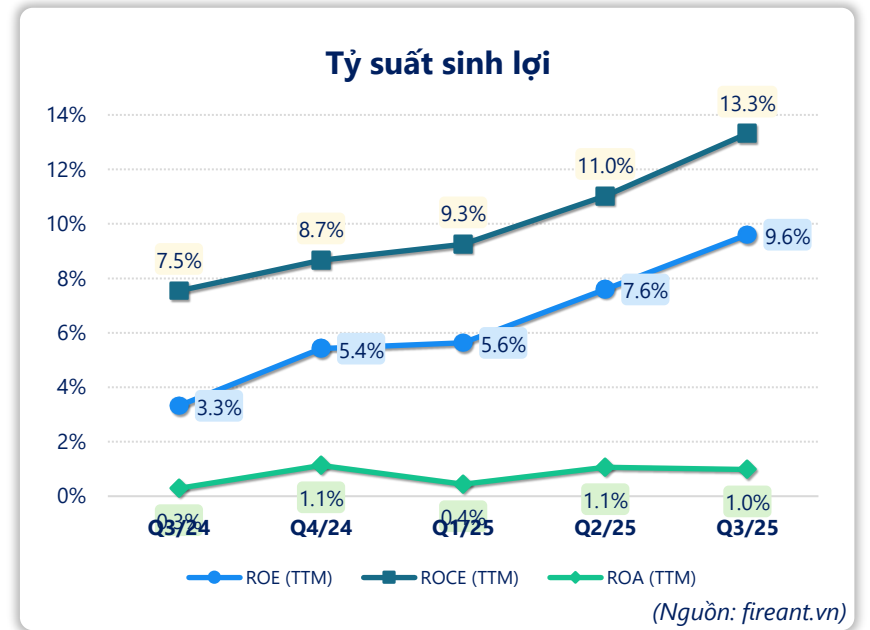
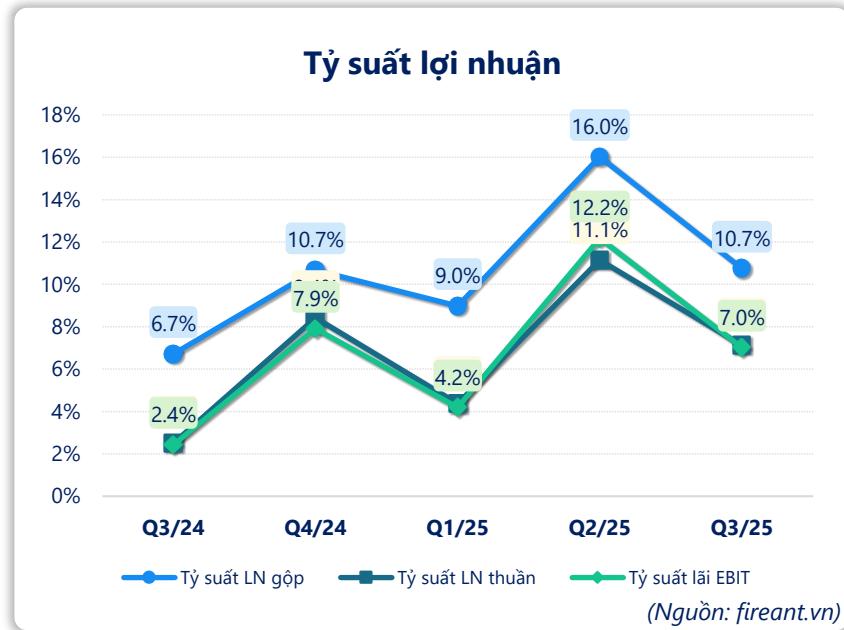
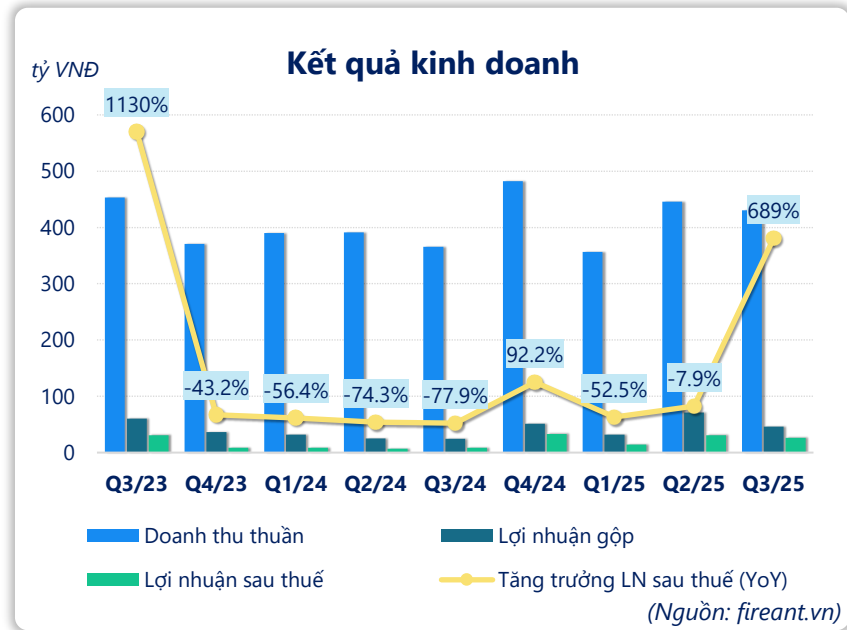


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,880
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,867
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,625
SL cổ phiếu LH		76,394,727
KLGD BQ 20 phiên (CP)		109,070
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		678
P/E		7.4
EPS		1,199

	YTD	1T	3T	6T
ADS	7.4%	-3.0%	12.4%	1.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,524	2,604	-3.1%
Tài sản ngắn hạn	1,907	1,987	-4.0%
Tiền và tương đương tiền	197	272	-27.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	196	377	-48.0%
Phải thu ngắn hạn	1,024	784	30.6%
Hàng tồn kho	457	535	-14.6%
Tài sản ngắn hạn khác	33.6	19.2	74.6%
Tài sản dài hạn	617	617	0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	149	140	5.9%
Bất động sản đầu tư	54.0	20.4	165%
Tài sản dở dang	36.3	52.3	-30.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	368	350	5.0%
Tài sản dài hạn khác	10.9	53.8	-79.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,537	1,647	-6.6%
Nợ ngắn hạn	1,420	1,613	-12.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	865	980	-11.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.2	85.1	-26.9%
Nợ dài hạn	117	33.3	252%
Vay và nợ thuê dài hạn	92.9	13.6	586%
Nguồn vốn chủ sở hữu	987	957	3.1%
Vốn chủ sở hữu	987	957	3.1%
Vốn điều lệ	764	764	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	366	482	357	446	430
Giá vốn hàng bán	341	431	325	374	384
Lợi nhuận gộp	24.6	51.4	32.0	71.4	46.2
Doanh thu HĐTC	6.33	8.48	7.90	7.40	7.04
Chi phí TC	11.7	8.91	12.0	15.4	11.9
Chi phí lãi vay	0	0	0	22.4	0
LN trong công ty LKLD	0	3.53	0	-2.18	0
Chi phí bán hàng	2.82	3.25	3.23	3.35	3.77
Chi phí QLDN	7.23	10.7	9.12	8.18	6.99
LN thuần từ HĐKD	9.16	40.6	15.6	49.7	30.6
Lợi nhuận khác	-0.27	-2.44	-0.62	-17.8	-0.47
LN trước thuế	8.88	38.1	14.9	31.8	30.2
Lợi nhuận sau thuế	8.35	32.8	14.0	30.7	26.4
LNST của CĐ cty mẹ	7.54	29.1	11.2	26.5	24.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	230	12.7	-114	-37.7	-63.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.48	-104	-9.14	123	-14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-150	270	-28.4	-36.5	105
Tiền đầu kỳ	14.9	92.8	272	121	169
Lưu chuyển tiền thuần	77.9	179	-151	48.6	27.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0	0	0.02	-0.02
Tiền cuối kỳ	92.8	272	121	169	197

(Nguồn: fireant.vn)